

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 10 – 9 – 2020  
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**

2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Quách Thị N**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Phước T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh T có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2015. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay do anh T dẫn con bỏ đi đến nay không về. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là Trần Phước L, sinh ngày 31/10/2015, hiện đang sống với anh T. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trần Phước T trình bày:**

Về hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị N về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất anh và chị N có 01 người con chung như chị N trình bày là đúng, con chung hiện đang sống với anh. Anh không đồng ý yêu cầu của chị N, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T sống chung năm 2014, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyền số 01/2015 đăng ký ngày 25/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L do chị N cung cấp thì anh T không ký tên. Việc anh T không đến UBND xã đăng ký kết hôn và không ký tên vào giấy chứng nhận kết hôn là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 nên không có giá trị pháp lý. Từ đó hôn nhân giữa chị N và anh T là không hợp pháp nên căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 78 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, quyền số 01/2015 được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ cấp ngày 25/4/2015 cho anh T và chị N.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Phước L, sinh ngày 31/10/2015 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện sống chung từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Xét thấy theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 25/4/2015 mà chị N cung cấp thì anh T không có ký tên. Theo Công văn số 150/UBND ngày 30/8/2020 của UBND xã L xác định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị N và anh T là đúng trình tự, quy định pháp luật và việc anh T không ký tên là sai sót. Tuy nhiên, xét thấy theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch thì: *“Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn, thì cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Hai bên nam, nữ ký vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên vợ, chồng một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, giải thích cho hai bên về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình”*. Tại phiên tòa, chị N thừa nhận khi đăng ký kết hôn thì anh T không có mặt nên anh T không ký tên vào giấy chứng nhận kết hôn, do đó việc đăng ký kết hôn của chị N và anh T chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định nên giấy chứng nhận kết hôn của chị N và anh T không có giá trị pháp lý. Nay chị N yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng chị N và anh T.

[4] Căn cứ điểm k khoản 1 Điều 78 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trái với quy định tại Nghị định này (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình)”*. Do đó, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01/2015 được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ cấp ngày 25/4/2015 cho anh T và chị N.

[5] Về con chung: Chị N và anh T trình bày thống nhất có một người con chung là Trần Phước L, sinh ngày 31/10/2015, hiện đang sống chung với anh T. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu L sống cùng với anh T nên cháu L đã

quen với lối sống, sinh hoạt cùng với anh T. Chị N và anh T xác định hiện cháu L phát triển tốt, anh T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu Trần Phước L, sinh ngày 31/10/2015 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng: Anh T xác định đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quách Thị N và anh Trần Phước T.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cấp cho anh Trần Phước T và chị Quách Thị N vào ngày 25/4/2015.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Phước L, sinh ngày 31/10/2015 cho anh Trần Phước T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Quách Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Quách Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004723 ngày 13/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trần Phước T không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên Ly**